TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm;

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ 3A, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Dương Thị D, sinh năm 1992; địa chỉ: xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 8 năm 2023). Vắng mặt có đơn xin vắng mặt,

- Bị đơn: ông Trần Quang V, sinh năm 1978, nơi cư trú: ấp Cầu Đôi, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà D trình bày:

Ông T và ông V có mối quan hệ quen biết. Ông T có lập hợp đồng cho ông V mượn tiền tổng cộng 2 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20 tháng 11 năm 2022, vay số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi 1%/tháng, thời hạn vay 3 tháng, hạn trả nợ đến ngày 20 tháng 02 năm 2023.

Lần 2: Ngày 21 tháng 02 năm 2023, vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng hạn trả nợ ngày 21 tháng 3 năm 2023.

Từ lúc mượn tiền đến nay ông V chưa thanh toán cho ông T khoản tiền nào. Dù hết hạn thanh toán tiền nhưng ông V vẫn không thanh toán mà lại mượn thêm và hứa hẹn đến ngày 21 tháng 3 năm 2023 ông V sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền vay trước đó, do chỗ quen biết nên ông T tin tưởng cũng cố gắng giúp đỡ cho ông V cho vay thêm tiền.

Đến nay đã quá hạn nhưng ông V vẫn chưa chịu trả tiền cho ông. Dù ông đã liên hệ rất nhiều lần ông V hứa nhiều lần nhưng vẫn chưa trả. Hiện ông V đã quá thời hạn trả nợ. Nhận thấy, ông V có hành vi gian dối, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông T. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả toàn bộ số tiền gốc là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Yêu cầu ông V thanh toán tiền lãi cụ thể:

Lần 1: Lãi trong hạn: 100.000.000 đồng x 1%/tháng x 3 tháng = 3.000.000 đồng, lãi chậm trả: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 9.960.000 đồng.

Lần 2: Lãi chậm trả 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 1.992.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 3.000.000 đồng + 9.960.000 đồng + 1.992.000 đồng + 120.000.000 đồng = 134.952.000 (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông ông Trần Quang V trình bày: Ông thừa nhận có vay của ông T 100.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền là của ông V. Số tiền 20.000.000 đồng trong viết giấy tay là tiền lãi không có trả nên ông T kêu ký xác nhận nợ nên số tiền mới lên 120.000.000 đồng. Ông xin ông T trả dần nhưng ông T không đồng ý còn xúc phạm ông. Do công việc làm ăn khó khăn nên ông không có khả năng thanh toán cho ông T.

Bị đơn ông Trần Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên vắng mặt và có đơn yêu cầu ông V trả tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 3.000.000 đồng + 9.960.000 đồng + 1.992.000 đồng + 120.000.000 đồng = 134.952.000 (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Bị đơn vắng mặt không ghi nhận ý kiến.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội D: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông V thanh toán số tiền gốc đã vay 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng tiền gốc và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: ông Nguyễn Thanh T khởi kiện ông Trần Quang V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự trong vụ án là một loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, ông Trần Quang V là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Cầu Đôi, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Các vấn đề khác về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội D yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T yêu cầu bị đơn ông Trần Quang V thanh toán số tiền vay là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi là 14.952.000 đồng. Xét giấy mượn tiền ngày 20 tháng 11 năm 2022, thể hiện ông Trần Quang V có vay ông Nguyễn Thanh T số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, giấy vay tiền ngày 21 tháng 02 năm 2023 thể hiện ông Trần Quang V có vay ông Nguyễn Thanh T số tiền gốc là 20.000.000 đồng, lãi suất không ghi, thời hạn vay 01 tháng. Bị đơn ông V vắng có bản tự khai trình bày ý kiến có vay ông T tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền

20.000.000 đồng là tiền lãi ông T kêu ông V ký. Xét thấy, việc vay tiền của các đương sự là có thật, được thể hiện bằng các giấy mượn tiền do ông Trần Quang V ký tên, ông V trình bày do ông T bắt ông ký nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông V trả lại số tiền gốc là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn đến hạn ông V không thanh toán tiền cho nguyên đơn nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền về thời hạn. Đối với giấy vay lần 1 giấy mượn tiền ngày 20 tháng 11 năm 2022 là hợp đồng vay có thời hạn có lãi do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn 100.000.000 đồng x 1% x 3 tháng = 3.000.000 đồng, lãi chậm trả 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 9.960.000 đồng. Đối với giấy vay lần 2 giấy mượn tiền ngày 21 tháng 02 năm 2023 là hợp đồng vay có thời hạn không có lãi do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 1.992.000 đồng. Về số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp khoản 4, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh T đối với bị đơn ông Trần Quang V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Quang V có trách nhiệm thanh toán cho Nguyễn Thanh T số tiền là 134.952.000 (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng. Trong đó tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 14.952.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quang V phải nộp 6.747.600 (sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T 3.315.700 (ba triệu ba trăm mười lăm nghìn bảy trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010406 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Khoa